

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2019/QĐDS-ST

Ngày: 20/8/2018

V/v: Yêu cầu tuyên bố một người có
khó khăn trong nhận thức, làm chủ
hành vi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông Đào Văn Hưng- Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
TU.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên họp: Bà Bò Thị
Hong - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU mở phiên
hợp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 11/2019/TLST-VDS
ngày 02 tháng 7 năm 2019 về yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong
nhận thức, làm chủ hành vi theo Quyết định mở phiên họp số: 11/2019/QĐPH-
VDS ngày 09 tháng 8 năm 2018.

1. Người yêu cầu: Ông Ch, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 221, Tổ 5, Ấp 5, xã
V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1 Bà H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 221, Tổ 5, Ấp 5, xã V, thị xã TU,
tỉnh Bình Dương.

2.2 Bà L, sinh năm 1948; địa chỉ: Số nhà 221, Tổ 5, Ấp 5, xã V, thị xã
TU, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.3 Ông C, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp Thuận Phú 1, xã Thuận Phú, huyện
Đồng Phú, tỉnh Bình Phước; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.4 Ông T, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 6, Ấp 3, xã N, huyện G, tỉnh Bình
Phước; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.5 Ông B, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 5, Ấp 5, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình
Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.6 Bà S, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp 6, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương;
yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2.7 Ông Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 221, Tổ 5, Ấp 5, xã V, thị xã TU,
tỉnh Bình Dương; có mặt.

2.8 Bà Th, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp P, xã R, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

Yêu cầu tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi đối với bà H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 221, Tổ 5, Ấp 5, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã TU nhận định:

Tại đơn yêu cầu ngày 25/6/2019 và tại phiên họp, ông Ch trình bày: Ông Ch và bà L là vợ chồng hợp pháp, chung sống với nhau từ năm 1967 không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng ông Ch và bà L có 07 người con là: H, sinh năm 1968; C, sinh năm 1970; T, sinh năm 1972; B, sinh năm 1976; Th, sinh năm 1977 (đã chết năm 2014); Q, sinh năm 1981 và C, sinh năm 1982. Trong số những người con của ông Ch và bà L thì có bà H, sinh năm 1968 bị câm điếc, bẩm sinh từ nhỏ đến nay, gặp khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Do đó, ông Ch có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã TU tuyên bố bà H là người có khó khăn nhận thức và làm chủ hành vi và cử ông Ch là người giám hộ. Hiện nay bà L bị bệnh nặng nên đề nghị cử ông Q là người giám sát việc giám hộ.

Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 425/LK-VPYTW ngày 01/8/2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận: Về y học: Bà H chậm phát triển tâm thần khác (F78-ICD.10). Về nhận thức và điều khiển hành vi: Bà H không có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông C, ông T, ông B, bà S và bà Th có đơn xin vắng mặt tại phiên họp.

Theo Biên bản xác minh ngày 09/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã TU tại Ủy ban nhân dân xã V xác định: Từ khi sinh ra bà H đã bị câm, điếc bẩm sinh và gặp khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Hiện nay ông Ch và ông Q, sinh năm 1981 hiện đang chăm sóc trực tiếp bà H.

Kiểm sát viên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý việc dân sự Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Xét, yêu cầu của ông Ch về việc tuyên bố bà H có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là có căn cứ. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Ch.

Xét, đơn yêu cầu của ông Ch và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp là có căn cứ nên Tòa án nhân dân thị xã TU chấp nhận yêu cầu của ông Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 27, 366, 367, 369, 370, 371, 372, 376 và 378 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 23, 51, 54, 57, 58 và 59 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí của Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Ch.

2. Tuyên bố bà H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 221, Tổ 5, Ấp 5, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi.

3. Cử ông Ch, sinh năm 1945; địa chỉ: Số 221, Tổ 5, Ấp 5, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương là người giám hộ cho bà H.

Cử ông Q, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 221, Tổ 5, Ấp 5, xã V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương là người giám sát việc giám hộ.

4. Về L phí Tòa án: Ông Ch phải chịu 300.000 đồng L phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2016/0036946, ngày 27/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU.

5. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (Mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày niêm yết. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN
Đã ký

Đào Văn Hưng